Người ký: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ
Email: cangio@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 14.04.2022 09:54:16 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1771 /BC-UBND	*Cần Giờ, ngày 14 tháng 4 năm 2022*

BÁO CÁO
Kết quả đánh giá cấp độ dịch Covid-19 theo Quyết định số 218/QĐ-BYT của Bộ Y tế
(tuần đánh giá từ ngày 04/4/2022 đến ngày 10/4/2022)

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về ban hành quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP về quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";

Căn cứ Công văn số 970/SYT-NVY ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Sở Y tế về quy trình đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Trong tuần từ ngày 04/4/2022 đến ngày 10/4/2022, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo cấp độ dịch Covid-19 trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

- Xã Bình Khánh: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã An Thới Đông: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Tam Thôn Hiệp: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Lý Nhơn: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Long Hòa: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Thị trấn Cần Thạnh: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);
- Xã Thạnh An: **cấp 1** - nguy cơ thấp (bình thường mới);

(Đính kèm báo cáo chi tiết).

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá cấp độ dịch Covid-19 từ ngày 04/4/2022 đến ngày 10/4/2022 trên địa bàn huyện.

Nơi nhận:
- Sở Y tế thành phố;
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố;
- Thường trực Huyện ủy;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên BCĐphòng chống, dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- VP: CVP, PVP/TH;
- Lưu: VT, YT-H, P.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Xuân

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

ĐÁNH GIÁ CẤP ĐỘ DỊCH (COVID-19) TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Theo Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế

(Đính kèm Báo cáo số 1771/BC-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Thời điểm đánh giá: Tuần thứ 14/2022 (4/4/2022-10/4/2022)

Xã, thị trấn	Dân số	Dân số > 50 tuổi	Số hộ	Chỉ số 1a			Chỉ số 1b				Chỉ số 1c			Chỉ số 2a				Chỉ số 2b			Chỉ số điều chỉnh mức độ dịch (2a + 2b)		Khả năng đáp ứng 3a			Khả năng đáp ứng 3b			Khả năng đáp ứng 3c			CẤP ĐỘ DỊCH	
				Số ca mắc mới trong tuần	Tỷ lệ mắc mới trong tuần/ 100.000 dân	Mức độ lây nhiễm theo 1a	Số ca thở oxy Trung Bình trong tuần	Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy Trung Bình trong tuần/ 100.000 dân	Mức độ lây nhiễm Theo 1b	Mức độ lây nhiễm (1a+1b)	Số ca tử vong mới trong tuần	Tỷ lệ số ca tử vong trong tuần/ 100.000 dân	Chỉ tiêu tỷ lệ số ca tử vong <= 6/100.000	Số mũi tiêm đủ mũi		Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (%)	Độ phủ VX (2a) (>=75%)	Số mũi 3 nguy cơ cao	Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (NCC) (%)	Độ phủ VX (2b) (>=90%)	Độ phủ VX (Phối hợp 2a+2b)	Mức độ lây nhiễm (Hiệu chỉnh theo chỉ số 2a + 2b)	TYT cố định + TYT lưu động + Tổ COVID cộng đồng	Tỷ lệ sẵn sàng quản lý, chăm sóc/ 10.000 dân	Khả năng đáp ứng (3a)	Tỷ lệ giường bệnh dành cho BN Covid/ 100.000 dân (QH đánh giá, áp dụng cho P/X)	Khả năng đáp ứng (3b)	Khả năng đáp ứng (3a+3b)	Tỷ lệ giường điều trị ICU có đủ NVYT phục vụ/ 100.000 dân (>=4/100.000 dân)	Khả năng đáp ứng (3c)	Hiệu chỉnh khả năng đáp ứng theo chỉ số 3c		
				Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1a+1b	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Mũi 2 người 12-17	Mũi bổ sung và nhắc lại	Chỉ số 2a	Chỉ số 2a	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2a+2b			Chỉ số 3a	Chỉ số 3a	Chỉ số 3b	Chỉ số 3b	Chỉ số 3a+3b	Chỉ số 3c	Chỉ số 3c	Chỉ số 3a+3b+3c	Kết hợp Mức độ lây nhiễm + khả năng đáp ứng	
Huyện	**76083**	**17152**	**19319**	**26**	**34.2**	**1**	**0**	**0.0**	**1**	**1**	**0**	**0.0**	**Đạt**	**67678**	**44230**	**147.09%**	**Đạt**	**44230**	**257.87%**	**Đạt**	**Đạt**	**1**	**47**	**1149.1**	**Cao**	**513**	**Cao**	**Cao**	**20**	**đạt**	**Cao**	**1**	**1**
Bình Khánh	21958	4285	5327	4	18.2	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	18302	11283	134.73%	Đạt	11283	263.31%	Đạt	Đạt	1	11	863.5	Cao	513	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
An Thới Đông	14253	3028	3592	6	42.1	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	13503	9172	159.09%	Đạt	9172	302.91%	Đạt	Đạt	1	8	890.9	Cao	513	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Tam Thôn Hiệp	6023	1352	1544	0	0.0	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	5386	3839	153.16%	Đạt	3839	283.95%	Đạt	Đạt	1	6	1813.5	Cao	513	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Lý Nhơn	6339	1436	1530	2	31.6	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	5571	3287	139.74%	Đạt	3287	228.90%	Đạt	Đạt	1	5	1699.3	Cao	513	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Long Hoà	11599	2861	2930	4	34.5	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	10375	6762	147.75%	Đạt	6762	236.35%	Đạt	Đạt	1	6	955.6	Cao	513	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Cần Thạnh	11036	3126	3201	7	63.4	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	10842	7235	163.80%	Đạt	7235	231.45%	Đạt	Đạt	1	8	1249.6	Cao	513	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1
Thạnh An	4875	1064	1195	3	61.5	1	0	0.0	1	1	0	0.0	Đạt	3699	2652	130.28%	Đạt	2652	249.25%	Đạt	Đạt	1	3	1841.0	Cao	513	Cao	Cao	20	đạt	Cao	1	1